TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng Nga

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mai N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số Nguyễn Minh T, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V , sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số Nguyễn Minh T, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2024, nguyên đơn bà Đặng Thị Mai N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức V tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Tân An, vào ngày 02 tháng 5 năm 2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do ông V đi làm xa, không phụ bà về kinh tế, thường xuyên ghen tuông vô cớ có hành vi bạo lực đánh đập bà. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông V .

Về con chung: Có 01 con chung tên tên Nguyễn Đức T, sinh năm 2002 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông V không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An: Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa bà N và ông V là trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung, các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Mai N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Đức V có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Đức V đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông V vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông V là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Mai N và ông Nguyễn Đức V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Tân An, vào ngày 02/5/2007, nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông V được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà N

có yêu cầu ly hôn, nhưng ông V không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà N xác định không còn tình cảm với ông V , nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V đi làm ăn xa về nhà ghen tuông vô cớ có hành vi bạo lực đánh đập bà, anh Nguyễn Đức T chứng kiến được cảnh cha bạo lực đánh đập mẹ, nhiều lần khuyên can nhưng cha vẫn đánh mẹ. Bà N cung cấp được hình ảnh chứng minh ông V có hành vi hung hăng bóp cổ, dùng vũ lực với bà N. Điều này chứng minh quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông V .

[2.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Về ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mai N ly hôn với ông Nguyễn Đức V **.**

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Mai N được ly hôn với ông Nguyễn Đức V **.**

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Mai N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0001734 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TPTA;
- Chi cục THADS TPTA;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Phạm Thị Thu Hương